

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 331/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2024.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh

Bà Dương Thị Kim Hồng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Lê Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**
Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 380/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 267/2024/QĐST-DS ngày 14/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị M**, sinh năm 1989;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương. Hiện cư trú tại Đài Loan (Trung Quốc). Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Phùng Văn B**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương. Hiện cư trú tại Đài Loan (Trung Quốc). Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Phạm Thị H, sinh năm 1954; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Phạm Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phùng Văn B được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 17/12/2008. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, lối sống. Thời gian này chị và anh B đều đang lao động tại nước ngoài, mỗi người làm việc và sinh sống ở một nơi khác nhau, ít có thời gian quan tâm, chia sẻ với nhau về cuộc sống. Việc mâu thuẫn vợ chồng giữa anh, chị kéo dài nhiều năm. Tháng 07 năm 2024 chị về phép thăm gia đình và các con, mục đích muốn cho vợ chồng thêm cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phùng Văn B theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Phùng Huyền T, sinh ngày 25/3/2010 và Phùng Bảo N, sinh ngày 28/8/2012. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T, đồng ý để anh B nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N. Trong thời gian anh B ở nước ngoài chị nhất trí tạm giao cho bà nội của cháu là bà Phạm Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị ở nước ngoài ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị M1 nuôi cháu T. Về cấp dưỡng cho con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Phạm Thị H (mẹ đẻ của anh B) thể hiện: Anh B đang lao động ở Đài Loan từ năm 2015, còn địa chỉ cụ thể thì bà không biết, anh B vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Các văn bản tố tụng của Tòa án bà đã thông báo cho anh B biết. Anh B không gửi quan điểm thể hiện bằng văn bản nhưng trao đổi qua điện thoại, anh có quan điểm đồng ý ly hôn. Về con chung, anh B đồng ý để chị M nuôi cháu T, anh B đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, trong thời gian anh B ở nước ngoài bà sẽ thay anh bình nuôi dưỡng cháu N. Về tài sản chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị M1 (mẹ đẻ của chị M) thể hiện. Trong thời gian chị M ở nước ngoài, bà nhất trí sự ủy quyền của chị M trong việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Nhất trí việc chị M ủy quyền cho bà tạm nuôi cháu Phùng Huyền T. Bà M1 không yêu cầu chị M, anh B phải cấp dưỡng cho con.

Tại biên bản xác minh tại địa phương thể hiện: Chị M và anh B kết hôn hợp pháp và có đăng ký tại địa phương. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa

chị M và anh B do cả hai vợ chồng đều đi làm ăn xa, mỗi người ở một nên nên không có sự hòa hợp, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau về cuộc sống cũng như công việc dẫn đến tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Nay chị M có đơn ly hôn anh B, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Các con chung của chị M, anh B có quan điểm như sau: Cháu Phùng Huyền T có nguyện vọng được ở với chị mẹ là chị Phạm Thị M, cháu Phùng Bảo N có nguyện vọng được ở với bố là anh Phùng Văn B.

Tại phiên tòa: Chị M, bà H, bà M1 vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt. Anh B vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn giấu địa chỉ. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Phạm Thị M được ly hôn anh Phùng Văn B; Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phùng Huyền T, sinh ngày 25/3/2010. Giao cho anh Phùng Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phùng Bảo N, sinh ngày 28/8/2012. Về cấp dưỡng cho con và về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Thị M có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Phùng Văn B. Chị M và anh B đều đang lại động tại Đài Loan (Trung Quốc). Trong thời gian nghỉ phép tại Việt Nam, chị M đã làm đơn khởi kiện ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tại phiên tòa chị M, bà H, bà M1 đề nghị xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt lần hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Phùng Văn B được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh

Hải Dương vào ngày 17/12/2008. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, lối sống. Thời gian này chị M và anh B đều đang lao động tại nước ngoài, mỗi người làm việc và sinh sống ở một nơi khác nhau, ít có thời gian quan tâm, chia sẻ với nhau về cuộc sống. Việc mâu thuẫn vợ chồng giữa anh, chị kéo dài nhiều năm. Cả hai anh chị không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị M, anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Thông qua gia đình, anh B cũng có quan điểm nhất trí ly hôn, do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị M được ly hôn anh B là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Các con chung của chị M, anh B là Phùng Huyền T hiện đang ở với mẹ và bà ngoại, còn cháu Phùng Bảo N đang ở với bà nội. Để ổn định nơi ăn ở, sinh hoạt, học tập của các con chung, HĐXX giao cho chị Phạm Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phùng Huyền T, sinh ngày 25/3/2010. Giao cho anh Phùng Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phùng Bảo N, sinh ngày 28/8/2012. Trong thời gian anh B ở nước ngoài, tạm giao cho bà Phạm Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Tạm giao cho bà Nguyễn Thị M1 nuôi dưỡng cháu T. Như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, phù hợp với nguyện vọng của các con chung và của các đương sự.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh B xác định không có tài sản chung, nợ chung và không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Phạm Thị M** ly hôn với anh **Phùng Văn B**.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phùng Huyền T, sinh ngày 25/3/2010. Giao cho anh Phùng

Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phùng Bảo N, sinh ngày 28/8/2012. Chị Phạm Thị M và anh Phùng Văn B tự nguyện không yêu cầu đóng góp tiền cấp dưỡng cho con.

Chị M, anh B thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trong thời gian chị Phạm Thị M, anh Phùng Văn B ở nước ngoài, tạm giao cho bà bà Phạm Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Tạm giao cho bà Nguyễn Thị M1 nuôi dưỡng cháu T.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000862 ngày 15/7/2024.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị M và anh Phùng Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, bà Phạm Thị H, bà Nguyễn Thị M1 có quyền kháng cáo về vấn đề có liên quan. Thời gian kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Đồng Quang, huyện Gia Lộc
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Minh Tân